

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2014

Môn thi:

PHÒNG THI SỐ 02

TT	SBD	Số phách	Họ đệm	Tên	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Số tờ	Ký nộp bài	Điểm		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	035		Hoàng Thị	Hoa	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
2	036		Lưu Thúy	Hòa	1991	GV môn Luật hiến pháp					
3	037		Thắm Thúy	Hòa	1992	GV Môn Luật lao động					
4	038		Phạm Thị	Hồng	1991	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN					
5	039		Đinh Thị	Huế	1989	GV Môn Ngoại ngữ					
6	040		Phạm Thị Thu	Hương	1992	GV Môn Luật lao động					
7	041		Phùng Việt	Hương	1992	GV Môn Luật hành chính					
8	042		Quách Thu	Hương	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
9	043		Nguyễn Thị Ánh	Hường	1992	GV Môn PL đa phương và đầu tư QT					
10	044		Phạm Thị	Hường	1988	GV Môn Luật hành chính					
11	045		Đặng Quang	Huy	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
12	046		Bùi Thanh	Huyền	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
13	047		Đặng Thị Ngọc	Huyền	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
14	048		Vũ Thị Thu	Huyền	1988	GV Môn PL đa phương và đầu tư QT					
15	049		Nguyễn Thị Thanh	Lam	1991	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN					
16	050		Đồng Thị	Len	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
17	051		Nguyễn Nhật	Linh	1992	GV Môn Luật lao động					
18	052		Nguyễn Thị Thùy	Linh	1991	GV Môn Xã hội học					

19	053		Nguyễn Thuỳ	Linh	1991	GV Môn Luật hành chính					
20	054		Ngô Thị	Lộc	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
21	055		Đồng Gia	Lượng	1990	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng					
22	056		Nguyễn Diệu	Ly	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
23	057		Ngô Tuyết	Mai	1991	GV Môn Xây dựng VBPL					
24	058		Đồng Hoàng	Minh	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
25	059		Nguyễn Anh	Minh	1991	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế					
26	060		Kiều Vũ Nhật	Nga	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
27	061		Phạm Thị Ánh	Ngọc	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
28	062		Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
29	063		Nguyễn Thị Thanh	Nhị	1992	GV Môn Luật lao động					
30	064		Bùi Hồng	Nhung	1992	GV Môn Luật lao động					
31	065		Nguyễn Thị Phương	Nhung	1991	GV Môn Ngoại ngữ					
32	066		Nguyễn Đình	Phong	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
33	067		Hoàng Thanh	Phương	1990	GV Môn Pháp luật Châu Á - TBD					
34	068		Hoàng Thị Lan	Phương	1990	GV Môn Luật hành chính					

Số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự thi:.....

Số thí sinh vắng:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

Bảng điểm gồm:

Số điểm ≥ 5 :

Số điểm < 5 :

Cán bộ coi thi thứ hai

Người lên điểm

Người kiểm tra điểm

Trưởng ban chấm thi